

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Số: /TTKSBT-DVTTYT
V/v mời báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các Công ty bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn,
hiệu chỉnh máy móc, thiết bị y tế

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh máy móc, thiết bị y tế gửi báo giá gói thầu: Bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh máy móc, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các khoa phòng năm 2026.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - VTTYT

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02563.548.956; Hoặc 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02693.824.372, hoặc qua Email: khoaduocctksbtgialai@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 14 ngày, kể từ ngày phát thông báo

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày.../.../2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị, máy móc (có phụ lục đính kèm).
2. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai – Cơ sở 1: Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai và Cơ sở 2: 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Yêu cầu khác: Báo giá bao gồm tất cả các chi phí khác có liên quan đến việc đi lại, vận chuyển, bảo trì bảo dưỡng, hiệu chuẩn hiệu chỉnh, thuế và các chi phí khác,... để bàn giao đến tận Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Cơ sở 1: Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai, Cơ sở 2: 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Rất mong sự phối hợp của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT- TTKSBT;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, DVTYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Truyền

Phụ lục:
DANH MỤC HÀNG HÓA
NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /TTKSBT-DVTTYT ngày /8/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Pipet bầu các loại	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	8	Cái			Cơ sở 2: 8 cái
2	Bình định mức các loại	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	8	Cái			Cơ sở 2: 8 cái
3	Ấm kế Nhiệt Kế (NAK(từ 01 đến 04); 3/810-155/DCV 23; 4/810-155/DCV 24; 14A-HL/KXN; 14B-HL/KXN; 25 VSNTTP/KXN; 26 VSNTTP/KXN; 27 VSNTTP/KXN)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	11	Cái			Cơ sở 1: 6 cái; Cơ sở 2: 5 cái
4	Nhiệt kế (KXN PKĐK 11(4); 04655NH3/4/DCV 12; 35771/DCV 25; L25924/DCV 27; L25924/DCV 28; 37A-HL/KXN; 37B-HL/KXN; 21VSNTTP/KXN; 22VSNTTP/KXN; 23VSNTTP/KXN; 24VSNTTP/KXN)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	14	Cái			Cơ sở 1: 8 cái; Cơ sở 2: 6 cái
5	Máy đo pH hiện trường (HI 8424/ HANNA/ TBH -08; HI 9126)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
6	Máy đo Clo dư hiện trường (HI 99701/ HANNA/ TBH -07; HI 97701; HI 96701)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	3	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 2 cái
7	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (DCH -08)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
8	Máy quang phổ hấp thụ phân tử UV-VIS (U 2900 22E44-016 / TBH - 01; A11454805528 CD UV-1800)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	3	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 2 cái
9	Tủ sấy MEMMERT (TV10U 770756/TBH -06; S30-781556)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
10	Micropipet (DCH - 01; DCH -19, 0L111395/DCV 06-3, OK93180/DCV 07-3; 5 ÷ 50µl, 10 ÷ 100µl, 20 ÷ 200µl, 100 ÷ 1000µl, 500 ÷ 5000µl)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	9	Cái			Cơ sở 1: 4 cái; Cơ sở 2: 5 cái
11	Buret thuỷ tinh (DCH-34, DCH -23; DCH -25; 0 ÷ 10ml)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	4	Cái			Cơ sở 1: 3 cái; Cơ sở 2: 1 cái
12	Bộ quả cân chuẩn (100g; 10g; 5g; 1g; 100mg) (DCH-10; DCH-11; DCH-12;DCH-13;DCH-14)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
13	Máy đo độ đục (HI 98703)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 2: 2 cái
14	Cân phân tích (4 số lẻ) (Ohaus Model: AS122 Serial:2897)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
15	Cân kỹ thuật 2 số lẻ (D515703351 (SHIMADZU EBL300); 01-VSNTTP/KXN (Kern PCB))	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 2: 2 cái
16	Nồi hấp AUTOCLAVE (804202/CL-32L/TBV 12; 803855/MC-20LDP/TBV13; 04-VSNTTP/KXN (Model SS-325); 05-VSNTTP/KXN (Model WAC-60))	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	4	Cái			Cơ sở 1: 2 cái; Cơ sở 2: 2 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
17	Máy đo độ dẫn điện (2155120/CON 700/TBV 26; HI 98304)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
18	Tủ an toàn sinh học cấp II (JSCB-1200SB(19.523.53); 06-VSNTTP/KXN)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
19	Tủ ấm MEMMERT (10020032/MIR-262/TBV 01; 10020070/MCO-19AIC/TBV 02; E410-1728/INB-400/TBV 03; 08-VSNTTP/KXN; 09-VSNTTP/KXN; 11-VSNTTP/KXN)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	6	Cái			Cơ sở 1: 3 cái; Cơ sở 2: 3 cái
20	Tủ sấy MEMMERT (110321-15/JSON-050/TBV 06; B100629012/LDO-150F/TBV 11; 12-VSNTTP/KXN; 13-VSNTTP/KXN)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	4	Cái			Cơ sở 1: 2 cái; Cơ sở 2: 2 cái
21	Pipette các loại ((20.523.26; 20.523.31; 20.523.34; 20.523.36); 28-VSNTTP/KXN; 29-VSNTTP/KXN; 30-VSNTTP/KXN; 31-VSNTTP/KXN)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	8	Cái			Cơ sở 1: 4 cái; Cơ sở 2: 4 cái
22	Nhiệt kế điện tử (84473202/ TESTO 925/DCV 09; 33-VSNTTP/KXN; 34-VSNTTP/KXN)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	3	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 2 cái
23	Tủ đông lạnh chuyên dụng (10020125/MDF-U333/TBV 10; VR.TB.10; VR.TB.11)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	3	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 2 cái
24	Máy ly tâm (Hattich 0123750-07(20.523.14); LMG 700700848(20.523.43))	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 2 cái
25	Tủ ấm thường 108 lít (118.01292/INB 110/TBV 27)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
26	Nồi đun cách thủy (F-NRL408.1654/ WNB/TBV 04)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
27	Tủ bảo ôn (1766-017/LR-207/ TBV 09)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
28	Tủ cấy vi sinh 2 chỗ (2011-62819/ACV-5D1/ TBV 17)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
29	Hệ thống lọc vi sinh 3 chỗ (58010065/ 16828/TBV 30)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
30	Bộ lọc nước và chất lỏng (70340/TBV 31)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
31	Bộ lọc nước 1 lít (167250-03/DCV 01)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
32	Bộ lọc nước 3,5 lít (218016957/DCV 02)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
33	Tủ lạnh Panasonic (962A00577/NR-B201S/TBV 08; 962A00577/NR-B201S/TBV 21)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 2 cái
34	Tủ lạnh Sanaky (211899/VH 218W3/ TBV 24)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
35	Máy đo bụi trọng lượng (Microdust Pro/4901183)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
36	Máy đo cường độ ánh sáng (Sper Scientific 840020 57828)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
37	Máy đo gió, ánh sáng ENVIRO- METER	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
38	Máy đo nồng độ bụi (Model: 831)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
39	Máy đo chức năng hô hấp (HI-801/14811026)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
40	Máy đo bức xạ nhiệt (SL100)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
41	Máy phân tích độ ồn theo dải tần Casella CEL-62X	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
42	Máy đo rung cục bộ và toàn thân Svantek SV 106D	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
43	Máy đo liều phóng xạ INSPECTOR ALERT (R 100X)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
44	Máy đo hơi khí độc 6 thông số MX6 iBrid	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
45	Máy đo điện từ trường tần số công nghiệp Aaronia SPECTRAN® NF-5035S	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
46	Máy đo khí CO2 cầm tay (JD-3002)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
47	Máy đo bức xạ tử ngoại PCE Instruments PCE- UV 34	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
48	Máy đo thính lực R27A	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
49	Máy đo PH da (HI 99181)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
50	Tủ an toàn sinh học cấp II (K03L56N3749/BIOAIR S@femate1.2 Vision; 2008-34358/AC2-4S1 Esco; Telstar BioII; Safe Fast Elite; ESCO; BioBase BSC 1300 A2-X; MSC12)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	7	Cái			Cơ sở 1: 3 cái; Cơ sở 2: 4 cái
51	Real time PCR (Biorab CFX 96)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 2: 2 cái
52	Pipette đơn kênh	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	39	Cái			Cơ sở 1: 19 cái; Cơ sở 2: 20 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
53	Pipette đa kênh	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	3	Cái			Cơ sở 2: 3 cái
54	Nhiệt kế thủy tinh lỏng (Mã 01. MD-NKTT, 02.MD-NKTT: 03. MD-NKTT: 03 cái - HIV -NK01, HIV-NK02: 02 cái; VR.TB.14 ; VR.TB.15; '-10 + 50 độ C; HIV. TTB 20; HIV. TTB 21)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	10	Cái			Cơ sở 1: 5 cái; Cơ sở 2: 5 cái
55	Máy ly tâm lạnh (0002630-03-00/Mikro200R; 0002698-03-00/Mikro200R; 0002283-01-00/Universal 320R Hermle Z326K; Model: Sigma 1-14k)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	5	Cái			Cơ sở 1: 3 cái; Cơ sở 2: 2 cái
56	Tủ sạch UV (Sterilizing PCR Workstation)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
57	Tủ hút khí độc (LabCompanion)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
58	Nồi hấp tiệt trùng (SS 325 Tomy; Hirayama HV-110 (VR.TB.15); Model: HV-50; Model: CL -32L; serial No: 36103070)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	5	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 4 cái
59	Máy ly tâm thường (5702 YH 818289; 0009982-01-00/Mikro 20; Hettich Rotofix 32A; KUBOTA 5100; Hettich EBA 21; Kubota 5100-V12149)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	6	Cái			Cơ sở 1: 4 cái; Cơ sở 2: 2 cái
60	Máy tách chiết tự động (Thermo Fisher)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
61	Nhiệt ẩm kế (VR.TB.12; VR.TB.13)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 2: 2 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
62	Tủ âm thường (IB-01E; Model B40 - 780- 874; VSLS.TB.07; VSLS.TB.08)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	3	Cái			Cơ sở 2: 3 cái
63	Tủ sấy Memmert (HC.3943.23/UM 200; Model: U10-780-738	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
64	Máy ly tâm (80-2 Centrifuge)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
65	Cân phân tích 4 số lẻ Ohaus (Model: EX224 Serial: B842595798)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
66	Tủ lạnh bảo quản đông (Model HF2-400S-1)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
67	Tủ lạnh loại 628 lít(Bảo quản chủng làm việc) (Model: BPR-5V628)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
68	Máy đếm khuẩn lạc Scan 100- (Code: 435000)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
69	Máy đọc IMARK (Nhật)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
70	Máy ủ IPS (Pháp) (10075923/IPS/ Biorad; IPS 07045329; IPS: 9075797; IPS: 9075760)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	4	Cái			Cơ sở 1: 2cái; Cơ sở 2: 2 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
71	Tủ bảo quản sinh phẩm (MPR311D)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
72	Tủ âm sâu SANYO (8050068/Sanyo; MDF-U33)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
73	Tủ lạnh đựng bệnh phẩm (FRL 500V)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
74	Tủ lạnh đựng sinh phẩm Panasonic (MPR 215F)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
75	Tủ lạnh Âm (Kyrolab 250V)	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
76	Nhiệt ẩm kế	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh	3	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 2 cái
77	Quang phổ UV-Vis U-2900; UV-1800 (U 2900 22E44-016 / TBH - 01; 23E48-018; A11454805528 CD UV-1800)	Bảo trì, bảo dưỡng	3	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 2 cái
78	Sắc ký lỏng cao áp HPLC SHIMADZU (Shimadzu/ Nhật 19-HL/KXN)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
79	Máy cất nước 2 lần Bibby A4000D (A4000D(20.523.02); VSLs.TB.21)	Bảo trì, bảo dưỡng	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
80	Kính hiển vi (Olympus CX21(20.523.10 (1), 20.523.10 (2)); Olympus CX41(20.523.04))	Bảo trì, bảo dưỡng	3	Cái			Cơ sở 1: 3 cái
81	Máy sinh hoá tự động (20.523.41)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng, số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
82	Máy nhuộm lam (20.523.06)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
83	Máy siêu âm xách tay Hitachi (Prosound 2)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
84	Máy soi cổ tử cung (KP 3000)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
85	Máy rửa PW40 (ECOD377902/PW40/Biorad; EC 9J349923; EAO1034)	Bảo trì, bảo dưỡng	3	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 2 cái
86	Tủ sấy tiệt trùng điện 32 lít (UNB 200Memmert)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
87	Máy tách chiết tự động ADN/ARN (O28162/QIAcube/HT/QIAxtractor; Thermo Fisher)	Bảo trì, bảo dưỡng	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
88	Real time PCR (QIA GEN (R0421345)/ ROTOR – GENE Q; Agilent AriaDX)	Bảo trì, bảo dưỡng	2	Cái			Cơ sở 1: 1 cái; Cơ sở 2: 1 cái
89	Máy sinh hóa bán tự động (Human Lyzer Primus)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
90	Kính hiển vi 2 mắt CX23 LEDRFS1 (9E88259)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 1: 1 cái
91	Kính hiển vi 2 mắt Olympus CX23 LEDRFS1 (3G83000)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
92	Kính hiển vi 2 mắt Olympus CX23 LEDRFS1 (3G81206)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
93	Kính hiển vi 2 mắt Olympus CX 41RF (7B45943)	Bảo trì, bảo dưỡng	1	Cái			Cơ sở 2: 1 cái
Danh mục gồm 93 khoản							